

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 1

TRÌNH ĐỘ: B2

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	CH0024	Nguyễn Văn Bình	31/10/75	Nam	Thanh Hóa
2	CH0032	Ma Quang Chung	11/03/84	Nam	Thái Nguyên
3	CH0050	Trịnh Viết Cường	02/08/92	Nam	Thái Nguyên
4	CH0054	Hà Minh Diệu	12/04/79	Nữ	Hà Nội
5	CH0058	Đặng Thị Phương Duyên	15/10/71	Nữ	Thái Bình
6	CH0093	Đinh Thị Thu Hà	12/09/77	Nữ	Thái Nguyên
7	CH0100	Nguyễn Thị Hà	05/06/78	Nữ	Thái Nguyên
8	CH0114	Hoàng Văn Hảo	04/10/82	Nam	Hà Nội
9	CH0154	Ngô Quang Huy	28/10/65	Nam	Hà Nội
10	CH0180	Nguyễn Lan Hương	16/05/81	Nữ	Thái Nguyên
11	CH0183	Nguyễn Thu Hường	08/10/75	Nữ	Bắc Ninh
12	CH0197	Nguyễn Thành Lâm	05/08/77	Nam	Quảng Ninh
13	CH0223	Phạm Văn Mạn	12/06/66	Nam	Hải Phòng
14	CH0224	Lương Viết Mạnh	05/06/80	Nam	Thanh Hóa
15	CH0230	La Đức Minh	10/03/79	Nam	Thanh Hóa
16	CH0234	Phan Thị Tuyết Minh	27/08/73	Nữ	Hà Nội
17	CH0237	Nguyễn Thị Mơ	20/05/81	Nữ	Quảng Ninh
18	CH0263	Vũ Quỳnh Như	19/10/75	Nữ	Quảng Ninh
19	CH0290	Đinh Hồng Quang	28/05/74	Nam	Thái Nguyên
20	CH0308	Lê Thị Quý	10/11/83	Nữ	Thanh Hóa
21	CH0323	Phạm Tú Tài	10/07/70	Nam	Nghệ An
22	CH0351	Vũ Thị Phương Thảo	06/01/88	Nữ	Thái Nguyên
23	CH0367	Trịnh Thị Hoài Thu	07/01/81	Nữ	Nam Định
24	CH0419	Châu Quốc Tuấn	12/01/82	Nam	Quảng Ninh
25	CH0443	Hoa Thị Minh Tú	22/08/75	Nữ	Hưng Yên
26	CH0454	Lê Quang Vinh	19/02/78	Nam	Quảng Ninh

ấn định danh sách có: 26 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 2

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	CH0001	Chu Văn An	22/10/81	Nam	Nam Định
2	CH0002	Nguyễn Công An	17/03/85	Nam	Hà Nội
3	CH0003	Trần Thúy An	29/11/89	Nữ	Thái Nguyên
4	CH0004	Bạch Tuấn Anh	09/02/88	Nam	Hà Nội
5	CH0005	Lê Thị Hải Anh	01/06/89	Nữ	Phú Thọ
6	CH0006	Ngô Tuấn Anh	12/04/76	Nam	Hà Nội
7	CH0007	Nguyễn Đức Anh	07/08/80	Nam	Hà Tĩnh
8	CH0008	Nguyễn Mai Anh	23/02/86	Nữ	Hà Nội
9	CH0009	Nguyễn Thế Anh	25/08/79	Nam	Thái Nguyên
10	CH0010	Nguyễn Thị Anh Anh	30/01/85	Nữ	Hà Nội
11	CH0011	Trần Ngọc Anh	19/05/75	Nam	Vĩnh Phúc
12	CH0012	Trần Thế Anh	07/03/81	Nam	Thanh Hóa
13	CH0013	Trịnh Tuấn Anh	17/08/86	Nam	Ninh bình
14	CH0014	Vũ Văn Anh	27/08/77	Nam	Hải Phòng
15	CH0015	Phí Lâm Bằng	18/06/73	Nam	Yên Bái
16	CH0016	Lê Ngọc Bảo	21/08/74	Nam	Thanh Hóa
17	CH0017	Cù Ngọc Bắc	20/02/68	Nam	Nam Định
18	CH0018	Trần Trung Bắc	26/02/80	Nam	Nam Định
19	CH0019	Nguyễn Văn Bé	07/12/62	Nam	Ninh Bình
20	CH0020	Nguyễn Ngọc Biên	09/01/84	Nam	Thanh Hóa
21	CH0021	Dương Trung Bình	08/10/76	Nam	Hà Giang
22	CH0022	Đinh Công Bình	30/08/78	Nam	Thái Nguyên
23	CH0023	Hà Thanh Bình	12/04/78	Nam	Thái Bình
24	CH0025	Nông Hồng Bình	03/06/85	Nam	Cao Bằng
25	CH0026	Đào Thị Chiêm	19/06/90	Nữ	Hà Nam
26	CH0027	Đinh Quang Chiến	02/11/86	Nam	Phú Thọ
27	CH0028	Lương Văn Chiến	06/03/79	Nam	Bắc Kạn
28	CH0029	Nguyễn Khắc Chiến	22/02/90	Nam	Thái Nguyên
29	CH0030	Nguyễn Nhân Chinh	29/05/84	Nam	Bắc Ninh
30	CH0031	Lương Thế Chung	23/11/84	Nam	Yên Bái
31	CH0033	Hà Thị Chuyên	09/04/87	Nữ	Lạng Sơn
32	CH0034	Bùi Văn Chưởng	11/05/82	Nam	Thanh Hóa
33	CH0035	Đặng Xuân Công	22/11/86	Nam	Hải Dương
34	CH0036	Hà Tiến Công	26/12/78	Nam	Yên Bái
35	CH0037	Hoàng Anh Công	15/12/84	Nam	Thanh Hóa
36	CH0038	Nguyễn Thành Công	09/06/75	Nam	Phú Thọ

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 2

TRÌNH ĐỘ: **B1**MÔN THI: **NÓI**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
37	CH0039	Nguyễn Tiến Công	08/01/73	Nam	Hải Phòng
38	CH0040	Hoàng Văn Cựm	20/05/86	Nam	Hà Giang
39	CH0041	Đỗ Văn Cường	10/07/82	Nam	Hưng Yên
40	CH0042	Hà Hồng Cương	19/04/86	Nữ	Bắc Cạn
41	CH0043	Ngô Đức Cương	07/10/80	Nam	Tuyên quang
42	CH0044	Phạm Ngọc Cương	14/03/83	Nam	Hà Tây
43	CH0045	Đỗ Tuấn Cường	20/09/84	Nam	Nam Định
44	CH0046	Nguyễn Xuân Cường	11/01/82	Nam	Phú Thọ

ấn định danh sách có: 44 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 3

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	CH0047	Phạm Kiên Cường	01/10/65	Nam	Tuyên Quang
2	CH0048	Phạm Thanh Cường	30/12/90	Nam	Thái Nguyên
3	CH0049	Trần Văn Cường	17/10/86	Nam	Lào Cai
4	CH0051	Vũ Cao Cường	25/06/83	Nam	Phú Thọ
5	CH0052	Vũ Mạnh Cường	23/09/72	Nam	Tuyên Quang
6	CH0053	Đỗ Quốc Dân	25/08/74	Nam	Phú Thọ
7	CH0055	Hà Thị Thùy Dung	27/04/90	Nữ	Lạng Sơn
8	CH0056	Nguyễn Thị Kim Dung	06/02/90	Nữ	Thái Nguyên
9	CH0057	Nguyễn Thị Phương Dung	05/03/77	Nữ	Thái Nguyên
10	CH0059	Nguyễn Thị Mai Duyên	10/07/82	Nữ	Hà Nội
11	CH0060	Hà Mạnh Dũng	25/04/89	Nam	Thái Nguyên
12	CH0061	Lê Anh Dũng	27/11/74	Nam	Thanh Hóa
13	CH0062	Lưu Quang Dũng	05/04/88	Nam	Thái Nguyên
14	CH0063	Nguyễn Duy Dũng	05/11/78	Nam	Thanh Hóa
15	CH0064	Nguyễn Tiến Dũng	26/06/90	Nam	Phú Thọ
16	CH0065	Nguyễn Việt Dũng	06/04/77	Nam	Tuyên Quang
17	CH0066	Nguyễn Việt Dũng	20/10/83	Nam	Phú Thọ
18	CH0067	Nông Tiến Dũng	17/02/82	Nam	Cao Bằng
19	CH0068	Trần Anh Dũng	23/05/78	Nam	Nam Định
20	CH0069	Đồng Đại Dương	11/02/83	Nam	Bắc Giang
21	CH0070	Nguyễn Thị Thùy Dương	28/08/81	Nữ	Thanh Hóa
22	CH0071	Hoàng Văn Đàm	12/08/76	Nam	Thái Bình
23	CH0072	Lý Văn Đàm	17/07/86	Nam	Lạng Sơn
24	CH0073	Lê Viết Đại	26/02/81	Nam	Yên Bái
25	CH0074	Lê Xuân Đạt	06/12/89	Nam	Thái Nguyên
26	CH0075	Khoa Thành Đăng	04/04/83	Nam	Thái Nguyên
27	CH0076	Nguyễn Văn Điển	03/02/79	Nam	Bắc Ninh
28	CH0077	Phạm Đăng Định	20/10/72	Nam	Tuyên Quang
29	CH0078	Phạm Thị Đoàn	10/02/77	Nữ	Bắc Giang
30	CH0079	Hoàng Văn Đức	05/10/79	Nam	Hải Dương
31	CH0080	Nguyễn Anh Đức	12/02/67	Nam	Hà Nội
32	CH0081	Nguyễn Công Đức	12/03/72	Nam	Phú Thọ
33	CH0082	Nguyễn Hoài Đức	13/12/75	Nam	Cao Bằng
34	CH0083	Nguyễn Mạnh Đức	21/01/72	Nam	Hà Nội
35	CH0084	Phạm Duy Đức	10/09/78	Nam	Hưng Yên
36	CH0085	Trần Việt Đức	24/11/79	Nam	Nam định

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 3

TRÌNH ĐỘ: **B1**

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
37	CH0086	Bùi Hương Giang	24/04/89	Nữ	Lạng Sơn
38	CH0087	Lê Ngọc Giang	12/10/86	Nam	Hà Nội
39	CH0088	Lê Thanh Giang	25/09/84	Nam	Hải Dương
40	CH0089	Nguyễn Như Giang	11/02/83	Nam	Hà Nội
41	CH0090	Trương Nhật Giang	15/12/91	Nam	Thái Nguyên
42	CH0091	Cấn Hải Hà	08/07/71	Nữ	Quảng Ninh
43	CH0092	Dương Thị Ngọc Hà	05/01/84	Nữ	Thái Nguyên
44	CH0094	Hoàng Hà	30/03/74	Nam	Hà Nội

ấn định danh sách có: 44 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 4

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	CH0095	Lê Thị Hà	30/09/83	Nữ	Thanh Hóa
2	CH0096	Lưu Xuân Hà	26/07/83	Nam	Nghệ An
3	CH0097	Ma Thị Vân Hà	02/02/87	Nữ	Thái Nguyên
4	CH0098	Mai Thu Hà	16/02/77	Nữ	Thanh Hóa
5	CH0099	Nguyễn Hải Hà	18/06/76	Nam	Vĩnh Phúc
6	CH0101	Nguyễn Thị Thu Hà	25/08/77	Nữ	Thái Nguyên
7	CH0102	Nguyễn Thu Hà	28/06/82	Nữ	Thái Nguyên
8	CH0103	Phạm Tô Hà	04/10/90	Nam	Thái Nguyên
9	CH0104	Trần Thị Hà	05/12/82	Nữ	Thanh Hóa
10	CH0105	Trần Việt Hà	29/11/91	Nam	Thái Nguyên
11	CH0106	Trịnh Thị Hà	14/11/79	Nữ	Quảng Ninh
12	CH0107	Vũ Mạnh Hà	22/11/77	Nam	Thái Nguyên
13	CH0108	Đào Thanh Hải	22/07/85	Nam	Sơn La
14	CH0109	Lý Tiến Hải	09/05/80	Nam	Thái Nguyên
15	CH0110	Ma Thế Hải	10/07/72	Nam	Tuyên Quang
16	CH0111	Nguyễn Ngọc Hải	02/01/74	Nam	Bắc Giang
17	CH0112	Nguyễn Việt Hải	27/09/81	Nam	Thái Nguyên
18	CH0113	Phạm Minh Hải	25/05/86	Nam	Quảng Ninh
19	CH0115	Vũ Thị Kim Hảo	14/07/91	Nữ	Yên Bái
20	CH0116	Đào Thị Mỹ Hạnh	14/04/81	Nữ	Phú Thọ
21	CH0117	Lê Thị Hạnh	23/01/86	Nữ	Thanh Hóa
22	CH0118	Lương Thị Hạnh	05/06/78	Nữ	Yên Bái
23	CH0119	Trần Thị Hạnh	04/03/79	Nữ	Bắc Giang
24	CH0120	Trương Ngọc Hạnh	10/04/82	Nữ	Thanh Hóa
25	CH0121	Bùi Thị Thu Hằng	14/04/84	Nữ	Yên Bái
26	CH0122	Chu Thị Hằng	24/11/84	Nữ	Hà Nội
27	CH0123	Dương Thu Hằng	29/07/89	Nữ	Bắc Giang
28	CH0124	Nguyễn Thị Hằng	30/10/75	Nữ	Tuyên Quang
29	CH0125	Nguyễn Thị Lệ Hằng	06/03/90	Nữ	Phú Thọ
30	CH0126	Bùi Trung Hậu	07/06/81	Nam	Thái Nguyên
31	CH0127	Nguyễn Vũ Hậu	05/11/88	Nam	Thái Bình
32	CH0128	Vũ Thị Hiền	10/06/70	Nữ	Thái Nguyên
33	CH0129	Nguyễn Thị Hiền	11/09/75	Nữ	Thái Nguyên
34	CH0130	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/05/83	Nữ	Thái Nguyên
35	CH0131	Ngô Thị Hiếu	05/09/81	Nữ	Thái Nguyên
36	CH0132	Nguyễn Trung Hiếu	02/08/82	Nam	Thái Nguyên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 4

TRÌNH ĐỘ: **B1**

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
37	CH0133	Bùi Nguyễn Hiệp	27/08/83	Nam	Thái Nguyên
38	CH0134	Lương Văn Hiệp	31/07/81	Nam	Yên Bái
39	CH0135	Hoàng Văn Hiệu	03/05/88	Nam	Hòa Bình
40	CH0136	Bạch Quỳnh Hoa	30/10/80	Nữ	Yên Bái
41	CH0137	Đặng Thị Mai Hoa	09/07/87	Nữ	Bắc Giang
42	CH0138	Nguyễn Thị Hoa	02/12/81	Nữ	Thanh Hóa
43	CH0139	Phạm Thị Hoàn	05/03/73	Nữ	Hà Giang
44	CH0140	Trần Huy Hoàng	11/08/76	Nam	Bắc Giang

ấn định danh sách có: 44 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 5

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	CH0141	Lê Thị Hòa	02/05/68	Nữ	Quảng Ninh
2	CH0142	Nguyễn Văn Hòa	11/04/80	Nam	Tuyên Quang
3	CH0143	Nguyễn Xuân Hòa	21/11/85	Nam	Thái Nguyên
4	CH0144	Nguyễn Thị Hòe	25/10/91	Nữ	Bắc Giang
5	CH0145	Hoàng Thị Xuân Hồng	27/11/80	Nữ	Hà Tĩnh
6	CH0146	Hà Như Hợi	02/03/83	Nam	Bắc Kạn
7	CH0147	Vũ Xuân Hợi	08/09/63	Nam	Thái Bình
8	CH0148	Đồng Ngọc Huấn	07/10/90	Nam	Lạng Sơn
9	CH0149	Nguyễn Văn Huấn	13/10/70	Nam	Bắc Giang
10	CH0150	Dương Thị Kim Huệ	02/01/88	Nữ	Thái Nguyên
11	CH0151	Lê Thị Kim Huệ	18/08/81	Nữ	Hà Nội
12	CH0152	Cao Xuân Huy	17/08/74	Nam	Tuyên Quang
13	CH0153	Lê Đức Huy	23/07/90	Nam	Bắc Ninh
14	CH0155	Nguyễn Đình Huy	30/09/76	Nam	Hòa Bình
15	CH0156	Phạm Thị Huyền	27/10/81	Nữ	Tuyên Quang
16	CH0157	Trần Thanh Huyền	09/03/82	Nữ	Yên Bái
17	CH0158	Đinh Trọng Hùng	23/01/72	Nam	Hà Nội
18	CH0159	Đỗ Đức Hùng	26/10/83	Nam	Hà Nội
19	CH0160	Hoàng Văn Hùng	18/12/73	Nam	Hà Nội
20	CH0161	Hoàng Văn Hùng	18/12/73	Nam	Tuyên Quang
21	CH0162	Nguyễn Mạnh Hùng	25/05/81	Nam	Yên Bái
22	CH0163	Nguyễn Mạnh Hùng	12/10/76	Nam	Phú Thọ
23	CH0164	Nguyễn Văn Hùng	10/05/74	Nam	Bắc Ninh
24	CH0165	Tạ Quang Hùng	01/04/82	Nam	Thái Nguyên
25	CH0166	Trần Mạnh Hùng	25/11/78	Nam	Vĩnh Phúc
26	CH0167	Trần Việt Hùng	26/11/86	Nam	Thái Nguyên
27	CH0168	Bùi Duy Hưng	10/07/73	Nam	Thái Nguyên
28	CH0169	Bùi Quang Hưng	15/08/83	Nam	Phú Thọ
29	CH0170	Đinh Việt Hưng	07/04/92	Nam	Quảng Ninh
30	CH0171	Đỗ Tất Hưng	24/05/86	Nam	Phú Thọ
31	CH0172	Hoàng Duy Hưng	30/04/72	Nam	Thái Nguyên
32	CH0173	Lê Hải Hưng	27/05/78	Nam	Vĩnh Phúc
33	CH0174	Nguyễn Thành Hưng	01/12/86	Nam	Hải Dương
34	CH0175	Nguyễn Thị Hưng	26/06/85	Nữ	Bắc Giang
35	CH0176	Nguyễn Việt Hưng	25/07/89	Nam	Thái Nguyên
36	CH0177	Đào Thị Mai Hương	05/06/82	Nữ	Phú Thọ

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 5

TRÌNH ĐỘ: **B1**MÔN THI: **NÓI**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
37	CH0178	Ngô Minh Hương	05/12/89	Nữ	Phú Thọ
38	CH0179	Ngô Thị Mai Hương	02/08/85	Nữ	Thái Nguyên
39	CH0181	Phạm Thị Thanh Hương	16/10/74	Nữ	Hải Dương
40	CH0182	Trần Thị Thu Hương	20/04/90	Nữ	Hà Nội
41	CH0184	Hoàng Văn Hữu	29/06/85	Nam	Thái Nguyên
42	CH0185	Lương Văn Khanh	11/04/90	Nam	Lạng Sơn
43	CH0186	Trần Thế Khanh	22/01/87	Nam	Hà Nội
44	CH0187	Vương Tuấn Khanh	16/12/80	Nam	Thái Nguyên

ấn định danh sách có: 44 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 6

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	CH0188	Nguyễn Lê Khánh	16/08/88	Nữ	Lạng Sơn
2	CH0189	Phạm Minh Khánh	04/10/86	Nam	Phú Thọ
3	CH0190	Trần Trung Khánh	10/01/81	Nam	Hải Phòng
4	CH0191	Nghiêm Quang Khải	08/07/67	Nam	Thanh Hóa
5	CH0192	Vũ Mạnh Khải	30/11/78	Nam	Lào Cai
6	CH0193	Tạ Viết Khiêm	02/10/83	Nam	Bắc Ninh
7	CH0194	Hà Mạnh Kiên	13/10/84	Nam	Phú Thọ
8	CH0195	Tổng Trung Kiên	08/04/84	Nam	Hải Phòng
9	CH0196	Nguyễn Tuyết Lan	04/01/82	Nữ	Lạng Sơn
10	CH0198	Trần Thị Lệ	06/08/85	Nữ	Thanh hóa
11	CH0199	Đặng Xuân Liêm	13/09/83	Nam	Thái Nguyên
12	CH0200	Nguyễn Thị Hồng Liên	24/04/86	Nữ	Lai Châu
13	CH0201	Nguyễn Hoàng Linh	02/12/89	Nữ	Thái Nguyên
14	CH0202	Nguyễn Văn Linh	11/01/87	Nam	Bắc Giang
15	CH0203	Bùi Thái Long	26/03/87	Nam	Thái Nguyên
16	CH0204	Hoàng Tiến Long	13/11/76	Nam	Hải Phòng
17	CH0205	Lê Đình Long	13/10/76	Nam	Nghệ An
18	CH0206	Nguyễn Ngọc Long	12/11/77	Nam	Hải Phòng
19	CH0207	Nguyễn Thành Long	04/12/80	Nam	Yên Bái
20	CH0208	Nông Việt Long	24/01/83	Nam	Cao Bằng
21	CH0209	Trịnh Đức Long	10/05/89	Nam	Thái Nguyên
22	CH0210	Trương Mạnh Long	13/10/73	Nam	Quảng Ninh
23	CH0211	Vũ Quốc Long	20/03/76	Nam	Yên Bái
24	CH0212	Dương Hữu Lộc	13/09/77	Nam	Thái Nguyên
25	CH0213	Lê Đặc Lợi	21/06/82	Nam	Thanh Hóa
26	CH0214	Hứa Văn Lượng	17/07/81	Nam	Tuyên Quang
27	CH0215	Lê Văn Lượng	02/02/84	Nam	Thanh Hóa
28	CH0216	Nguyễn Bá Lượng	11/09/76	Nam	Phú Thọ
29	CH0217	Nguyễn Thị Lý	22/05/85	Nữ	Thái Nguyên
30	CH0218	Nguyễn Thị Lý	23/01/82	Nữ	Phú Thọ
31	CH0219	Trịnh Thị Lý	26/06/83	Nữ	Thanh Hóa
32	CH0220	Lê Thị Quỳnh Mai	15/01/80	Nữ	Vĩnh Phúc
33	CH0221	Nguyễn Thị Mai	15/06/86	Nữ	Vĩnh Phúc
34	CH0222	Chanthiva Manivong	05/04/82	Nữ	Viêng chăn-Lào
35	CH0225	Dương Hồng Minh	21/07/88	Nam	Hà Giang
36	CH0226	Đặng Đình Minh	18/09/79	Nam	Hà Nội

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 6

TRÌNH ĐỘ: **B1**

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
37	CH0227	Đặng Ngọc Minh	26/01/80	Nam	Yên Bái
38	CH0228	Đinh Đức Minh	24/01/88	Nam	Hà Giang
39	CH0229	Hoàng Thị Minh	10/12/82	Nữ	Thái Nguyên
40	CH0231	Lê Thị Minh	16/11/90	Nữ	Thái Nguyên
41	CH0232	Nguyễn Hoàng Minh	20/08/69	Nam	Phú Thọ
42	CH0233	Nguyễn Thị Ngọc Minh	05/08/82	Nữ	Lạng Sơn
43	CH0235	Phạm Ngọc Minh	13/12/84	Nam	Thái Nguyên
44	CH0236	Tạ Hữu Minh	14/12/82	Nam	Hà Nội

ấn định danh sách có: 44 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 7

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	CH0238	Võ Thị Khánh My	25/04/91	Nữ	Nghệ An
2	CH0239	Đinh Hải Nam	25/09/81	Nam	Phú Thọ
3	CH0240	Lê Hoài Nam	17/10/78	Nam	Thái Nguyên
4	CH0241	Nguyễn Đăng Nam	20/12/64	Nam	Hưng Yên
5	CH0242	Nguyễn Trọng Nam	24/10/79	Nam	Yên Bái
6	CH0243	Trần Giang Nam	15/08/78	Nam	Tuyên Quang
7	CH0244	Trịnh Hồng Nam	27/02/82	Nam	Thanh Hóa
8	CH0245	Đỗ Văn Năm	20/01/72	Nam	Thái Bình
9	CH0246	Ma Thị Nê	14/10/86	Nữ	Tuyên Quang
10	CH0247	Nguyễn Thị Thanh Nga	10/12/83	Nữ	Thái Nguyên
11	CH0248	Phạm Thị Nga	07/01/85	Nữ	Thanh Hóa
12	CH0249	Phạm Thị Thanh Nga	03/10/88	Nữ	Bắc Ninh
13	CH0250	Phùng Thị Nga	10/08/79	Nữ	Thái Nguyên
14	CH0251	Phùng Thị Tuyết Nga	16/09/77	Nữ	Thái Nguyên
15	CH0252	Hoàng Thị Ngà	11/10/85	Nữ	Hải Phòng
16	CH0253	Nguyễn Thị Ngà	06/09/84	Nữ	Hà Nội
17	CH0254	Trần Văn Ngân	09/05/78	Nam	Lạng Sơn
18	CH0255	Đoàn Đình Nghĩa	25/10/78	Nam	Bắc Giang
19	CH0256	Hà Trọng Nghĩa	10/06/85	Nam	Phú Thọ
20	CH0257	Hoàng Anh Nghĩa	22/11/75	Nam	Phú Thọ
21	CH0258	Vi Đại Nghĩa	23/06/88	Nam	Phú Thọ
22	CH0259	Bùi Hoàng Ngọc	15/05/83	Nam	Yên Bái
23	CH0260	Tổng Xuân Ngự	04/08/80	Nam	Ninh Bình
24	CH0261	Nguyễn Thanh Nhã	07/01/82	Nữ	Phú Thọ
25	CH0262	Trần Viết Nhân	08/04/83	Nam	Thái Bình
26	CH0264	Nguyễn Niên	10/07/82	Nam	Thanh Hóa
27	CH0265	Đặng Bình Ninh	28/07/85	Nam	Thanh Hóa
28	CH0266	Nguyễn Thị Hồng Ninh	15/10/80	Nữ	Thái Nguyên
29	CH0267	Phạm Hải Ninh	27/08/73	Nam	Hải Phòng
30	CH0268	Phạm Văn Ninh	19/09/79	Nam	Tuyên Quang
31	CH0269	Phomphiphak Outsä	23/05/83	Nữ	Viêng chăñ-Lào
32	CH0270	Phan Hải Phong	18/06/87	Nam	Phú Thọ
33	CH0271	Nguyễn Đặng Phú	19/10/85	Nam	Thanh Hóa
34	CH0272	Nguyễn Hồng Phúc	14/10/82	Nam	Hà Nội
35	CH0273	Trần Văn Phúc	16/07/90	Nam	Vĩnh Phúc
36	CH0274	Bùi Thị Lan Phương	22/11/83	Nữ	Phú Thọ

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 7

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
37	CH0275	Bùi Trọng Phương	16/01/79	Nam	Hà Nội
38	CH0276	Đặng Thị Thu Phương	19/02/88	Nữ	Thái Nguyên
39	CH0277	Đinh Thị Thu Phương	11/02/89	Nữ	Tuyên Quang
40	CH0278	Đoàn Thị Minh Phương	12/10/81	Nữ	Thái Nguyên
41	CH0279	Ngô Minh Phương	10/06/72	Nam	Phú Thọ
42	CH0280	Nguyễn Đức Phương	18/04/84	Nam	Hà Nội
43	CH0281	Nguyễn Đức Phương	18/04/84	Nam	Hà Nội

ấn định danh sách có: 43 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 8

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	CH0282	Nguyễn Ngọc Phương	30/05/77	Nam	Bắc Giang
2	CH0283	Nguyễn Thúy Phương	08/02/69	Nữ	Tuyên Quang
3	CH0284	Nguyễn Việt Phương	13/09/83	Nữ	Yên Bái
4	CH0285	Tạ Lan Phương	17/09/91	Nữ	Thái Nguyên
5	CH0286	Lê Khánh Phương	17/04/88	Nữ	Tuyên Quang
6	CH0287	Lê Văn Phương	11/08/84	Nam	Thanh Hóa
7	CH0288	Nguyễn Thị Bích Phương	25/12/90	Nữ	Bắc Giang
8	CH0289	Vũ Thị Lan Phương	26/05/88	Nữ	Yên Bái
9	CH0291	Hoàng Quang	25/01/85	Nam	Yên Bái
10	CH0292	Lê Hồng Quang	08/12/84	Nam	Thanh Hóa
11	CH0293	Nguyễn Thế Quang	18/06/82	Nam	Tuyên Quang
12	CH0294	Nguyễn Văn Quang	17/07/91	Nam	Hải Dương
13	CH0295	Trần Huy Quang	02/09/75	Nam	Phú Thọ
14	CH0296	Nguyễn Hồng Quân	08/03/88	Nam	Thái Nguyên
15	CH0297	Nguyễn Hữu Quân	24/05/84	Nam	Phú Thọ
16	CH0298	Nguyễn Hữu Quân	05/09/68	Nam	Hà Nội
17	CH0299	Trần Hồng Quân	20/11/71	Nam	Thái Bình
18	CH0300	Văn Thanh Quân	26/10/84	Nam	Phú Thọ
19	CH0301	Châu Xuân Quyết	06/05/82	Nam	Tuyên Quang
20	CH0302	Hoàng Thị Quỳnh	26/06/76	Nữ	Thái Nguyên
21	CH0303	Ngô Quốc Quỳnh	06/02/82	Nam	Bắc Kạn
22	CH0304	Nguyễn Hoàng Quỳnh	17/06/78	Nam	Bắc Giang
23	CH0305	Nguyễn Văn Quỳnh	02/07/79	Nam	Thái Nguyên
24	CH0306	Trần Xuân Quỳnh	29/11/75	Nữ	Phú Thọ
25	CH0307	Hà Ngọc Quý	20/06/79	Nam	Yên Bái
26	CH0309	Mai Xuân Quý	29/06/88	Nam	Ninh bình
27	CH0310	Đào Minh Sang	29/12/88	Nam	Phú Thọ
28	CH0311	Hoàng Văn Sáng	13/10/81	Nam	Hải Phòng
29	CH0312	Đào Duy Sơn	10/08/86	Nam	Bắc Giang
30	CH0313	Đinh Viết Sơn	08/06/76	Nam	Phú Thọ
31	CH0314	Đỗ Thái Sơn	16/07/83	Nam	Thái Nguyên
32	CH0315	Lương Ngọc Sơn	13/11/75	Nam	Yên Bái
33	CH0316	Nguyễn Anh Sơn	20/07/75	Nam	Thái Nguyên
34	CH0317	Nguyễn Xuân Sơn	07/09/85	Nam	Lào Cai
35	CH0318	Phan Thanh Sơn	07/08/90	Nam	Thái Nguyên
36	CH0319	Tạ Phúc Sơn	01/11/69	Nam	Phú Thọ

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 8

TRÌNH ĐỘ: **B1**

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
37	CH0320	Vũ Trường Sơn	31/10/72	Nam	Hải Dương
38	CH0321	Vũ Trường Sơn	31/10/72	Nam	Hải Dương
39	CH0322	Bùi Mạnh Tài	01/02/88	Nam	Phú Thọ
40	CH0324	Chu Thị Minh Tâm	10/12/85	Nữ	Thái Nguyên
41	CH0325	Dương Thị ánh Tâm	15/05/75	Nữ	Vĩnh Phúc
42	CH0326	Đỗ Thị Thanh Tâm	27/08/77	Nữ	Yên Bái
43	CH0327	Trần Thị Tâm	31/05/76	Nữ	Thanh Hóa

ấn định danh sách có: 43 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 9

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	CH0328	Trương Đức Tâm	23/11/90	Nam	Thái Nguyên
2	CH0329	Đào Duy Tân	03/09/88	Nam	Thái Nguyên
3	CH0330	Hoàng Nhật Tân	27/08/84	Nam	Hà Nội
4	CH0331	Hoàng Nhật Tân	27/08/84	Nam	Hà Nội
5	CH0332	Trần Văn Tân	01/05/83	Nam	Phú Thọ
6	CH0333	Nguyễn Mạnh Tấn	25/09/70	Nam	Ninh bình
7	CH0334	Lâm Đức Thanh	23/10/81	Nam	Cao Bằng
8	CH0335	Lê Trung Thanh	16/08/86	Nam	Thái Nguyên
9	CH0336	Nguyễn Thanh	22/07/63	Nam	Tuyên Quang
10	CH0337	Nguyễn Đình Thanh	13/04/79	Nam	Phú Thọ
11	CH0338	Nguyễn Thị Bích Thanh	29/09/77	Nữ	Hà Nội
12	CH0339	Phạm Thị Thanh	20/09/76	Nữ	Yên Bái
13	CH0340	Đặng Trung Thành	13/12/84	Nam	Vĩnh Phúc
14	CH0341	Nguyễn Tiến Thành	12/07/69	Nam	Lào Cai
15	CH0342	Nguyễn Tiến Thành	07/11/86	Nam	Hà Nội
16	CH0343	Phan Duy Thành	04/03/89	Nam	Hà Tuyên
17	CH0344	Phạm Ngọc Thành	01/05/86	Nam	Phú Thọ
18	CH0345	Đặng Thị Thảo	27/09/91	Nữ	Vĩnh Phúc
19	CH0346	Hạ Thị Thảo	13/05/85	Nữ	Bắc Cạn
20	CH0347	Mai Thị Phương Thảo	13/03/79	Nữ	Tuyên Quang
21	CH0348	Nguyễn Văn Thảo	09/03/87	Nam	Hòa Bình
22	CH0349	Tạ Ngọc Thảo	28/06/85	Nữ	Thái Nguyên
23	CH0350	Trần Dạ Thảo	08/10/91	Nữ	Thái Nguyên
24	CH0352	Hoàng Văn Thạch	25/06/77	Nam	Hà Giang
25	CH0353	Nguyễn Thị Thắm	10/11/79	Nữ	Yên Bái
26	CH0354	Bùi Quang Thắng	01/01/81	nam	Hải Dương
27	CH0355	Hoàng Đình Thắng	15/02/80	Nam	Thanh Hóa
28	CH0356	Lê Quang Thắng	04/09/88	Nam	Thái Nguyên
29	CH0357	Lương Văn Thắng	01/06/89	Nam	Hà Nội
30	CH0358	Phan Tiến Thắng	24/03/84	Nam	Hưng Yên
31	CH0359	Phạm Chiến Thắng	19/05/85	Nam	Thanh Hóa
32	CH0360	Nguyễn Duy Thêm	20/06/83	Nam	Thanh Hóa
33	CH0361	Nguyễn Đức Thiện	08/12/85	Nam	Yên Bái
34	CH0362	Vi Đình Thiện	14/08/74	Nam	Lạng Sơn
35	CH0363	Nguyễn Quốc Thịnh	19/11/83	Nam	Phú Thọ
36	CH0364	Nguyễn Văn Thịnh	03/02/89	Nam	Bắc Giang

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 9

TRÌNH ĐỘ: **B1**MÔN THI: **NÓI**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
37	CH0365	Phạm Tiến Thịnh	15/08/83	Nam	Yên Bái
38	CH0366	Bùi Thị Hương Thơm	02/07/89	Nữ	Thái Nguyên
39	CH0368	Vũ Anh Thu	17/06/83	Nữ	Thái Nguyên
40	CH0369	Vũ Đăng Thuận	29/08/90	Nam	Bắc Ninh
41	CH0370	Hà Thị Thu Thủy	30/09/81	Nữ	Thái Nguyên
42	CH0371	Nguyễn Thị Thúy	30/03/89	Nữ	Thanh Hóa
43	CH0372	Nguyễn Thị Minh Thúy	02/12/79	Nữ	Yên Bái

ấn định danh sách có: 43 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 10

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	CH0373	Trần Ngọc Thúy	23/05/88	Nữ	Cao Bằng
2	CH0374	Đinh Thị Thu Thủy	07/09/75	Nữ	Phú Thọ
3	CH0375	Lê Đắc Thủy	29/09/86	Nam	Hà Nội
4	CH0376	Ngô Thượng Thủy	06/07/71	Nam	Thái Nguyên
5	CH0377	Nguyễn Thu Thủy	09/06/82	Nữ	Hà Tây
6	CH0378	Trần Thị Thủy	14/11/86	Nữ	Thái Nguyên
7	CH0379	Vũ Thị Thủy	12/07/86	Nữ	Thái Nguyên
8	CH0380	Nguyễn Thế Thụy	30/01/77	Nam	Thái Nguyên
9	CH0381	Đặng Thu Thương	21/05/82	Nữ	Quảng Ninh
10	CH0382	Lý Thái Thường	07/06/76	Nam	Phú Thọ
11	CH0383	Đỗ Trí Thúc	03/09/74	Nam	Hải Hưng
12	CH0384	Hoàng Văn Thúc	02/06/61	Nam	Hà Tĩnh
13	CH0385	Dương Mạnh Tiến	13/09/87	Nam	Vĩnh Phúc
14	CH0386	Dương Quốc Tiến	24/12/88	Nam	Thái Nguyên
15	CH0387	Nguyễn Văn Tiến	13/05/82	Nam	Nam Định
16	CH0388	Đinh Văn Tính	31/07/77	Nam	Phú Thọ
17	CH0389	Lưu Văn Tính	22/09/79	Nam	Hà Nội
18	CH0390	Ngô Văn Tính	04/02/88	Nam	Nam Định
19	CH0391	Đào Duy Toàn	23/09/72	Nam	Hưng Yên
20	CH0392	Nguyễn Đức Toàn	06/12/76	Nam	Bắc Giang
21	CH0393	Nguyễn Đức Toàn	19/09/79	Nam	Yên Bái
22	CH0394	Phạm Văn Toàn	23/12/77	Nam	Tuyên Quang
23	CH0395	Lê Quang Toàn	14/11/73	Nam	Bắc Ninh
24	CH0396	Phạm Văn Tới	19/05/82	Nam	Thanh Hóa
25	CH0397	Leo Thị Trang	14/04/91	Nữ	Bắc Giang
26	CH0398	Lê Thị Mai Trang	15/12/86	Nữ	Phú Thọ
27	CH0399	Nguyễn Thị Thúy Trang	26/09/89	Nữ	Yên Bái
28	CH0400	Nguyễn Thu Trang	24/08/81	Nữ	Tuyên Quang
29	CH0401	Phùng Thị Thu Trang	19/10/91	Nữ	Bắc Ninh
30	CH0402	Trần Thị Trang	27/10/81	Nữ	Thái Nguyên
31	CH0403	Lâm Văn Trì	16/03/82	Nam	Thái Nguyên
32	CH0404	Nguyễn Công Trình	30/01/86	Nam	Bắc Giang
33	CH0405	Lý Anh Trí	29/11/91	Nam	Lạng Sơn
34	CH0406	Đào Văn Trung	20/10/79	Nam	Thanh Hóa
35	CH0407	Lưu Kiên Trung	05/08/89	Nam	Yên Bái
36	CH0408	Nguyễn Hữu Trung	08/12/74	Nam	Yên Bái

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 10

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
37	CH0409	Trần Quang Trung	02/08/82	Nam	Phú Thọ
38	CH0410	Hà Kim Truyền	26/07/88	Nam	Tuyên Quang
39	CH0411	Bùi Thiên Trường	26/09/78	Nam	Yên Bái
40	CH0412	Lê Mỹ Trường	19/01/78	Nam	Thanh Hóa
41	CH0413	Nguyễn Xuân Trường	08/08/78	Nam	Hà Nội
42	CH0414	Nguyễn Xuân Trường	28/05/88	Nam	Bắc Giang
43	CH0415	Nông Ngọc Trường	09/02/83	Nam	Lạng Sơn

ấn định danh sách có: 43 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 11

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	CH0416	Trần Văn Trường	15/08/74	Nam	Yên Bái
2	CH0417	Trần Xuân Trường	04/12/89	Nam	Phú Thọ
3	CH0418	Bùi Anh Tuấn	08/12/76	Nam	Hà Giang
4	CH0420	Đồng Văn Tuấn	20/07/83	Nam	Thái Nguyên
5	CH0421	Hoàng Anh Tuấn	22/01/87	Nam	Thái Nguyên
6	CH0422	Hoàng Thanh Tuấn	23/03/86	Nam	Thái Nguyên
7	CH0423	Lương Triệu Tuấn	21/04/74	Nam	Ninh Bình
8	CH0424	Nguyễn Huy Tuấn	29/07/79	Nam	Phú Thọ
9	CH0425	Nguyễn Quốc Tuấn	18/01/78	Nam	Phú Thọ
10	CH0426	Phạm Minh Tuấn	22/02/88	Nam	Yên Bái
11	CH0427	Phạm Minh Tuấn	22/12/87	Nam	Thái Nguyên
12	CH0428	Phạm Ngọc Tuấn	26/10/81	Nam	Thái Nguyên
13	CH0429	Đào Trọng Tuyên	01/12/82	Nam	Thái Nguyên
14	CH0430	Lê Văn Tuyên	17/10/79	Nam	Thái Nguyên
15	CH0431	Đặng Thị Kim Tuyến	07/01/76	Nữ	Thái Nguyên
16	CH0432	Lương Thị Tuyến	30/06/71	Nữ	Lai Châu
17	CH0433	Nguyễn Thị Tuyết	22/07/91	Nữ	Tuyên Quang
18	CH0434	Nguyễn Thị ánh Tuyết	10/07/78	Nữ	Thái Nguyên
19	CH0435	Nguyễn Thị ánh Tuyết	26/06/68	Nữ	Sơn La
20	CH0436	Triệu Văn Tuyền	03/08/76	Nam	Tuyên Quang
21	CH0437	Đường Xuân Tùng	10/10/76	Nam	Nghệ An
22	CH0438	Hoàng Văn Tùng	02/05/86	Nam	Lạng Sơn
23	CH0439	Nguyễn Anh Tùng	25/03/88	Nam	Hải phòng
24	CH0440	Nguyễn Hữu Tùng	31/07/77	Nam	Thái Nguyên
25	CH0441	Phạm Thanh Tùng	20/06/72	Nam	Hà Nam Ninh
26	CH0442	Trần Đình Tùng	01/02/87	Nam	Thái Bình
27	CH0444	Lê Thị Ngọc Tú	26/09/82	Nữ	Thanh Hóa
28	CH0445	Nguyễn Ngọc Tú	26/10/89	Nam	Hà Nội
29	CH0446	Phan Anh Tú	09/09/74	Nam	Thanh Hóa
30	CH0447	Đinh Ngọc Tường	16/04/80	Nam	Phú Thọ
31	CH0448	Hoàng Văn Uy	24/04/77	Nam	Yên Bái
32	CH0449	Bùi Tiến Văn	03/02/88	Nam	Thanh Hóa
33	CH0450	Lê Thị Thanh Vân	13/11/81	Nữ	Thái Nguyên
34	CH0451	Nguyễn Thị Hồng Vân	09/08/77	Nữ	Tuyên Quang
35	CH0452	Châu Văn Việt	13/08/83	Nam	Quảng Ninh
36	CH0453	Lê Anh Việt	10/10/84	Nam	Thanh Hóa

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 6 NĂM 2014

PHÒNG THI: 11

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
37	CH0455	Lê Quang Vinh	12/03/79	Nam	Thanh Hóa
38	CH0456	Lưu Anh Võ	06/07/80	Nam	Phú Thọ
39	CH0457	Đào Quang Vũ	25/05/74	Nam	Quảng Ninh
40	CH0458	Hà Quang Vũ	16/08/86	Nam	Bắc Kạn
41	CH0459	Lương Thị Vy	14/08/79	Nữ	Bắc Giang
42	CH0460	Triệu Thị Vy	15/10/88	Nữ	Thái Nguyên
43	CH0461	Trần Thị Hải Yến	12/11/81	Nữ	Thái Nguyên

ấn định danh sách có: 43 thí sinh.